

Số: 23 /TB-UBND

An Trường, ngày 24 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã năm 2025**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân xã An Trường công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2025 (kèm các biểu mẫu quy định tại **Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính**) để các ban, ngành và nhân dân trong xã nắm.

Giao Phòng Văn hóa – xã hội xã đăng tải các nội dung công khai lên Trang tin điện tử xã theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT ĐU, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- UBMTTQ VN xã;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- LĐVP;
- Phòng KT xã (theo dõi);
- Lưu: VT, KT Hiện.



Nguyễn Văn Á



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 23 /TB-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã An Trường)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	137.227.062,27	175.011.201,81	127,53%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.473.000	1.744.423,32	118,43%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.720.000	5.490.848,69	201,87%
3	Thu bổ sung	133.034.062,27	164.720.605,43	123,82%
	- Thu bổ sung cân đối	129.556.189,27	123.528.404,05	95,35%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3.477.873,00	41.192.201,38	1184,41%
4	Thu chuyển nguồn		2.360.711,59	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		694.612,78	
II	TỔNG SỐ CHI	137.227.062,27	171.640.164,88	125,08%
1	Chi đầu tư phát triển		100.000,00	
2	Chi thường xuyên	136.217.509,27	160.705.986,93	117,98%
3	Dự phòng	675.000		
4	Tiết kiệm	328.553		
5	Vốn CTMTQG	6.000	1.179,00	19,65%
6	Chi chuyển nguồn sang năm sau		9.249.828,09	
7	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		1.583.170,85	



Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 23 /TB-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã An Trường)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.193.000,00	137.227.062,27	17.042.778,46	175.011.201,807	406,46%	127,53%
I	Các khoản thu 100%	1.473.000	1.473.000	5.899.867,98	1.744.423,321	400,53%	118,43%
	- Phí, lệ phí	367.000	367.000	590.556,53	401.550,856	160,91%	109,41%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	66.000	66.000	72.525,59	72.525,585	109,89%	109,89%
	- Lệ phí trước bạ	710.000	710.000	4.173.830,10	584.921,199	587,86%	82,38%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Thu tiền sử dụng đất			231.803,00			
	Thu khác	330.000	330.000	831.152,77	685.425,681	251,86%	207,70%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.720.000	2.720.000	8.087.586,11	5.490.848,69	925,87%	533,47%
I	Các khoản thu phân chia	2.720.000	2.720.000	8.087.586,11	5.490.848,69	925,87%	533,47%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.800.000	1.800.000	3.982.579,26	3.858.082,733	221,25%	214,34%
	- Thuế thu nhập cá nhân	650.000	650.000	3.454.032,79	1.312.619,857	531,39%	201,94%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.000	270.000	467.705,04	316.415,327	173,22%	117,19%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			3.730,77	3.730,770		
	- Thuế tài nguyên			179.538,25			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						

000



III	Thu chuyển nguồn			2.360.711,59	2.360.711,591	
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước			694.612,78	694.612,779	
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		133.034.062,27		164.720.605,429	123,82%
	- Thu bổ sung cân đối		129.556.189,27		123.528.404,048	95,35%
	- Thu bổ sung có mục tiêu		3.477.873,00		41.192.201,381	1184,41%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 115/TB-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã An Trường)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	137.227.062,27	-	137.227.062,27	171.640.164,88	100.000,00	171.540.164,88	125,08%		125,00%
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	103.010.062,27		103.010.062,27	100.641.035,90		100.641.035,90	97,70%		97,70%
2	Chi khoa học và công nghệ	-		-	16.850,00		16.850,00			
3	Chi y tế	-		-	573.644,03		573.644,03			
4	Chi văn hóa, thông tin	-		-	-		-			
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-		-	-		-			
6	Chi thể dục thể thao	-		-	-		-			
7	Chi bảo vệ môi trường	-		-	143.000,00		143.000,00			
8	Chi các hoạt động kinh tế	-		-	3.373.450,91	100.000,00	3.273.450,91			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.497.658,46		29.497.658,46	32.218.707,23		32.218.707,23	109,22%		109,22%
10	Chi đảm bảo xã hội	-		-	20.106.756,50		20.106.756,50			
11	Chi quốc phòng	1.773.500,54		1.773.500,54	1.380.916,15		1.380.916,15	77,86%		77,86%
12	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.936.288,00		1.936.288,00	2.289.526,21		2.289.526,21	118,24%		118,24%
13	Chi khác ngân sách				62.100,00		62.100,00			
14	Tiết kiệm	328.553,00		328.553,00	-		-			
15	Dự phòng ngân sách	675.000,00		675.000,00	-		-			
16	Vốn CTMTQG	6.000,00		6.000,00	1.179,00		1.179,00	19,65%		19,65%
17	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				1.583.170,85		1.583.170,85			
18	Chi chuyển nguồn sang năm sau				9.249.828,09		9.249.828,09			

CK



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 13 /TB-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã An Trường)

I. TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NĂM 2025:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025, số tiền 17.042.778.461 đồng, đạt 406,46% so với dự toán giao. Trong đó:

1.1. Thuế giá trị gia tăng, số tiền 3.982.579.254 đồng, đạt 221,25% so với dự toán giao.

1.2. Thuế thu nhập cá nhân, số tiền 3.454.032.794 đồng, đạt 531,39% so với dự toán giao.

1.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp, số tiền 467.705.040 đồng, đạt 173,22% so với dự toán giao.

1.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt, số tiền 3.730.770 đồng.

1.5. Thuế tài nguyên, số tiền 179.538.249 đồng.

1.6. Lệ phí trước bạ, số tiền 4.173.830.099 đồng, đạt 587,86% so với dự toán giao.

1.7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, số tiền 72.525.585 đồng, đạt 109,89% so với dự toán giao.

1.8. Phí, lệ phí, số tiền 590.556.529 đồng, đạt 160,91% so với dự toán giao.

1.9. Thu khác ngân sách, số tiền 831.152.771 đồng, đạt 251,86% so với dự toán giao.

1.10. Thu tiền sử dụng đất, số tiền 231.803.000 đồng.

1.11. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang, số tiền 2.360.711.591 đồng.

1.12. Thu kết dư ngân sách năm trước, số tiền 694.612.779 đồng.

2. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2025, số tiền 175.011.201.807 đồng 127,53% so với dự toán giao. Trong đó:

2.1. Thu nội địa, số tiền 7.235.272.008 đồng, đạt 172,56% so với dự toán giao, bao gồm:

a. Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%, số tiền 1.744.423.321 đồng, đạt 118,43% so với dự toán giao, cụ thể:

- Lệ phí trước bạ, số tiền 584.921.199 đồng, đạt 82,38% so với dự toán giao.

- Phí, lệ phí, số tiền 401.550.856 đồng, đạt 109,41% so với dự toán giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, số tiền 72.525.585 đồng, đạt 109,89% so với dự toán giao.

- Thu khác ngân sách, số tiền 685.425.681 đồng.

b. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ, số tiền 5.490.848.687 đồng, đạt 201,87% so với dự toán giao, cụ thể:

- Thuế giá trị gia tăng, số tiền 3.858.082.733 đồng, đạt 214,34% so với dự toán giao.

- Thuế thu nhập cá nhân, số tiền 1.312.619.857 đồng, đạt 201,94% so với dự toán giao.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp, số tiền 316.415.327 đồng, đạt 117,19% so với dự toán giao.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, số tiền 3.730.770 đồng.

2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, số tiền 164.720.605.429 đồng, đạt 123,82% so với dự toán giao, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách, số tiền 123.528.404.048 đồng, đạt 95,35% so với dự toán giao.

- Thu bổ sung có mục tiêu, số tiền 41.192.201.381 đồng, đạt 1.184,41% so với dự toán giao.

2.3. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang, số tiền 2.360.711.591 đồng.

2.4. Thu kết dư ngân sách năm trước, số tiền 694.612.779 đồng.

II. TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025:

*** Tổng chi ngân sách xã năm 2025, số tiền 171.640.164.879 đồng đạt 125,08% so với dự toán giao. Trong đó:**

1. Chi đầu tư phát triển, số tiền 100.000.000 đồng.

2. Chi thường xuyên, số tiền 160.707.165.933 đồng, đạt 117,97% so với dự toán giao, bao gồm:

- Chi giáo dục – đào tạo, số tiền 100.641.035.901 đồng, đạt 97,70% so với dự toán giao.

- Chi khoa học và công nghệ, số tiền 16.850.000 đồng.

- Chi quốc phòng, số tiền 1.380.916.150 đồng, đạt 77,86% so với dự toán giao.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội, số tiền 2.289.526.214 đồng, đạt 118,24% so với dự toán giao.

- Chi y tế, dân số và gia đình, số tiền 573.644.025 đồng.

- Chi bảo vệ môi trường, số tiền 143.000.000 đồng.

- Chi các hoạt động kinh tế, số tiền 3.273.450.913 đồng.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, số tiền 32.218.707.230 đồng, đạt 109,22% so với dự toán giao.

- Chi đảm bảo xã hội, số tiền 20.106.756.500 đồng.

- Chi khác, số tiền 62.100.000 đồng.

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, số tiền 1.179.000 đồng, đạt 19,65% so với dự toán giao.

3. Chi nộp trả ngân sách cấp trên, số tiền 1.583.170.852 đồng.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau, số tiền 9.249.828.094 đồng